|  |  |
| --- | --- |
| PHÒNG GD&ĐT ĐẠI LỘC  **TRƯỜNG TH & THCS ĐẠI TÂN** |  |
| **BẢNG ĐẶC TẢ**  **ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KỲ I NĂM HỌC 2022 - 2023**  **MÔN LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÝ - LỚP 7**  **A. PHẦN LỊCH SỬ:** |  |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/**  **Chủ đề** | **Nội dung/Đơn vị kiến thức** | | **Mức độ đánh giá** | | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **Phân môn Lịch sử** | | | | | | | | | |
| 1 | **CHƯƠNG I**  **TÂY ÂU TỪ THẾ KỈ V ĐẾN NỬA ĐẦU THẾ KỈ XVI** | | **1. Quá trình hình thành và phát triển chế độ phong kiến ở Tây Âu** | **Nhận biết**  – Kể lại được những sự kiện chủ yếu về quá trình hình thành xã hội phong kiến ở Tây Âu  **Thông hiểu**  – Trình bày được đặc điểm của lãnh địa phong kiến và quan hệ xã hội của chế độ phong kiến Tây Âu.  – Mô tả được sơ lược sự ra đời của Thiên Chúa giáo  **Vận dụng**  – Phân tích được vai trò của thành thị trung đại. | | 02\* |  |  |  |
| 2 |  | | **2. Văn hoá Phục hưng** | **Nhận biết**  – Trình bày được những thành tựu tiêu biểu của phong trào văn hoá Phục hưng  **Thông hiểu**  – Giới thiệu được sự biến đổi quan trọng về kinh tế – xã hội của Tây Âu từ thế kỉ XIII đến thế kỉ XVI.  **Vận dụng**  – Nhận xét được ý nghĩa và tác động của phong trào văn hoá Phục hưng đối với xã hội Tây Âu | | 01TN |  | 01\* |  |
| 4 |  | | **3. Cải cách tôn giáo** | **Nhận biết**  – Nêu được nguyên nhân của phong trào cải cách tôn giáo  **Thông hiểu**  – Mô tả khái quát được nội dung cơ bản của các cuộc cải cách tôn giáo  – Giải thích được nguyên nhân của phong trào cải cách tôn giáo  – Nêu được tác động của cải cách tôn giáo đối với xã hội Tây Âu. | | 02\* |  |  |  |
|  |  | | **4. Các cuộc phát kiến địa lí** | - Giải thích được nguyên nhân và những yếu tố tác động đến các cuộc đại phát kiến địa lí.  - Mô tả được các cuộc đại phát kiến địa lí: Christopher Colombus tìm ra châu Mỹ (1492 – 1502), cuộc thám hiểm của Ferdinand Magellan vòng quanh Trái Đất (1519 – 1522).  - Phân tích được tác động của các cuộc đại phát kiến địa lí đối với tiến trình lịch sử.  **Vận dụng**  – Sử dụng lược đồ hoặc bản đồ, giới thiệu được những nét chính về hành trình của một số cuộc phát kiến địa lí lớn trên thế giới | | 02\* | 01\* | 01TL |  |
|  | **CHƯƠNG II**  **TRUNG QUỐC VÀ ẤN ĐỘ THỜI TRUNG ĐẠI** | | **1. Trung Quốc từ thế kỉ VII đến giữa thế kỉ XI** | **Nhận biết**  – Nêu được những nét chính về sự thịnh vượng của Trung Quốc dưới thời Đường  **Thông hiểu**  – Mô tả được sự phát triển kinh tế thời Minh – Thanh  - Giới thiệu được những thành tựu chủ yếu của văn hoá Trung Quốc từ thế kỉ VII đến giữa thế kỉ XIX (Nho giáo, sử học, kiến trúc,...)  **Vận dụng**  – Nhận xét được những thành tựu chủ yếu của văn hoá Trung Quốc từ thế kỉ VII đến giữa thế kỉ XIX (Nho giáo, sử học, kiến trúc,...)  – Lập được sơ đồ tiến trình phát triển của Trung Quốc từ thế kỉ VII đến giữa thế kỉ XIX (các thời Đường, Tống, Nguyên, Minh, Thanh). | | 03\* | 01\* |  |  |
|  |  | | **2. ẤN ĐỘ TỪ THẾ KỈ IV ĐẾN GIỮA THẾ KỈ XIX** | **Nhận biết**  – Nêu được những nét chính về điều kiện tự nhiên của Ấn Độ  – Trình bày khái quát được sự ra đời và tình hình chính trị, kinh tế, xã hội của Ấn Độ dưới thời các vương triều Gupta, Delhi và đế quốc Mogul.  **Thông hiểu**  **-** Giới thiệu được một số thành tựu tiêu biểu về văn hoá của Ấn Độ từ thế kỉ IV đến giữa thế kỉ XIX  **Vận dụng**  – Nhận xét được một số thành tựu tiêu biểu về văn hoá của Ấn Độ từ thế kỉ IV đến giữa thế kỉ XIX | | 02\* | 01TL |  |  |
|  | **CHƯƠNG III**  **. ĐÔNG NAM Á TỪ NỬA SAU THẾ KỈ X ĐẾN NỬA ĐẦU THẾ KỈ XVI** | | **1. Khái quát về Đông Nam Á từ nửa sau thế kỉ X đến nửa đầu thế kỉ XVI** | **Thông hiểu**  – Mô tả được quá trình hình thành, phát triển của các quốc gia Đông Nam Á từ nửa sau thế kỉ X đến nửa đầu thế kỉ XVI.  - Giới thiệu được những thành tựu văn hoá tiêu biểu của Đông Nam Á từ nửa sau thế kỉ X đến nửa đầu thế kỉ XVI.  **Vận dụng**  – Nhận xét được những thành tựu văn hoá tiêu biểu của Đông Nam Á từ nửa sau thế kỉ X đến nửa đầu thế kỉ XVI. | | 03\* | 01\* |  |  |
|  |  | | **2. Vương quốc Cam-pu-chia** | **Nhận biết**  – Nêu được một số nét tiêu biểu về văn hoá của Vương quốc Campuchia.  - Nêu được sự phát triển của Vương quốc Campuchia thời Angkor.  **Thông hiểu**  – Mô tả được quá trình hình thành và phát triển của Vương quốc Campuchia.  **Vận dụng**  – Đánh giá được sự phát triển của Vương quốc Campuchia thời Angkor. | | 1TN |  |  |  |
|  |  | | **3. Vương quốc Lào** | **Nhận biết**  – Nêu được một số nét tiêu biểu về văn hoá của Vương quốc Lào.  - Nêu được sự phát triển của Vương quốc Lào thời Lan Xang.  **Thông hiểu**  – Mô tả được quá trình hình thành và phát triển của Vương quốc Lào.  **Vận dụng**  – Đánh giá được sự phát triển của Vương quốc Lào thời Lan Xang. | | 1TN  1TN | 1TL\* | 1TL\* |  |
|  | **CHƯƠNG IV**  **ĐẤT NƯỚC DƯỚI THỜI CÁC VƯƠNG TRIỀU NGÔ- ĐINH- TIỀN LÊ**  **939- 1009** | | **1. Việt Nam từ năm 938 đến năm 1009: thời Ngô – Đinh – Tiền Lê** | **Nhận biết**  – Nêu được những nét chính về thời Ngô  – Trình bày được công cuộc thống nhất đất nước của Đinh Bộ Lĩnh và sự thành lập nhà Đinh  – Nêu được đời sống xã hội, văn hoá thời Ngô – Đinh – Tiền Lê  **Thông hiểu**  – Mô tả được cuộc kháng chiến chống Tống của Lê Hoàn (981).  – Giới thiệu được nét chính về tổ chức chính quyền thời Ngô – Đinh – Tiền Lê. | | 4TN  4TN\* | 1TL\*  1TL |  | 01TL |
| **Số câu/ Loại câu** | | | | |  | **8 câu**  **TN** | **1 câu**  **TL** | **1 câu TL** | **1 câu**  **TL** | |
| **Tỉ lệ %** | | | |  | | **20%** | **15%** | **10%** | **5%** |

**B. PHẦN ĐỊA LÍ:**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/**  **Chủ đề** | **Nội dung/Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | |
| ***Nhận biết*** | ***Thông hiểu*** | ***Vận dụng*** | ***Vận dụng cao*** |
| 1 | Châu Âu ( 10% - đã kiểm tra giữa kì I) | -Vị trí địa lí, phạm vi châu Âu  - Đặc điểm tự nhiên  - Đặc điểm dân cư, xã hội | **Nhận biết**  – Trình bày được đặc điểm vị trí địa lí, hình dạng và kích thước châu Âu.  – Trình bày được đặc điểm các đới thiên nhiên: đới nóng; đới lạnh; đới ôn hòa.  – Trình bày được đặc điểm của đô thị hoá ở châu Âu. | 1TN  1TN\*  1TN\* |  |  |  |
| 2 | Châu Á (12 tiết) | Vị trí địa lí, phạm vi châu Á  -Đặc điểm tự nhiên  -Đặc điểm dân cư, xã hội  - Bản đồ chính trị châu Á; các khu vực của châu Á  - Các nền kinh tế lớn và kinh tế mới nổi ở châu Á | **Nhận biết**  – Trình bày được đặc điểm vị trí địa lí, hình dạng và kích thước châu Á.  – Trình bày được một trong những đặc điểm thiên nhiên châu Á: Địa hình; khí hậu; sinh vật; nước; khoáng sản.  – Trình bày được sự phân bố dân cư.  – Xác định được trên bản đồ chính trị các khu vực của châu Á.  – Trình bày được đặc điểm tự nhiên (địa hình, khí hậu, sinh vật) của một trong các khu vực ở châu Á  **Thông hiểu**  – Trình bày được ý nghĩa của đặc điểm thiên nhiên đối với việc sử dụng và bảo vệ tự nhiên.  **Vận dụng**  - Tính và nhận xét số dân của châu Á dựa vào bảng số liệu.  **Vận dụng cao**  – Biết cách sưu tầm tư liệu và trình bày về một trong các nền kinh tế lớn và nền kinh tế mới nổi của châu Á (ví dụ: Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc, Singapore). | 2TN  2TN\*  1TN  1TN  2TN\* | 1TL | 1TL(a) | 1TL(b) |
| 3 | Chủ đề: Đô thị: Lịch sử và hiện tại (3 tiết) | Đô thị: Lịch sử và hiện tại | **Biết:**  -Thời gian hình thành các đô thị cổ đại phương đông. Tên các đô thị cổ đại phương tây. | 2TN |  |  |  |
| Số câu/ loại câu  10 | | |  | 8 câu  TNKQ | 1 câu TL | 1 câu (a) TL | 1 câu (b) TL |
| ***Tỉ lệ % (50 %)*** | | |  | ***20*** | ***15*** | ***10*** | ***5*** |

**KHUNG MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ I – LỚP 6**

1. **PHẦN LỊCH SỬ:**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Chủ đề** | **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng thấp** | | **Vận dung cao** | | **Tổng cộng** |
|  | TN | TL | TN | TL | TN | TL | TN | TL |  |
| **CHƯƠNG I**  **TÂY ÂU TỪ THẾ KỈ V ĐẾN NỬA ĐẦU THẾ KỈ XVI** | Biết quê hương văn hóa phục hưng. |  |  |  |  | Nhận thức các cuộc phát kiến địa lí. |  |  |  |
| **Số câu** | 01 |  |  |  |  | 1 |  |  | **02** |
| **Điểm** | 0,25đ |  |  |  |  | 1đ |  |  | **1,25đ** |
| **CHƯƠNG II**  **TRUNG QUỐC VÀ ẤN ĐỘ THỜI TRUNG ĐẠI** |  |  |  | Nắm thành tựu văn hóa Ấn Độ. |  |  |  |  |  |
| **Số câu** |  |  |  | 1 |  |  |  |  | **01** |
| **Điểm** |  |  |  | 1,5đ |  |  |  |  | **1,5đ** |
| **CHƯƠNG III**  **. ĐÔNG NAM Á TỪ NỬA SAU THẾ KỈ X ĐẾN NỬA ĐẦU THẾ KỈ XVI** | Biết thành tựu văn hóa Đông Nam Á |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Số câu** | 03 |  |  |  |  |  |  |  | **03** |
| **Điểm** | 0,75đ |  |  |  |  |  |  |  | **0,75đ** |
| **CHƯƠNG IV**  **ĐẤT NƯỚC DƯỚI THỜI CÁC VƯƠNG TRIỀU NGÔ- ĐINH- TIỀN LÊ**  **939- 1009** | Biết một số việc làm thời Ngô- Đinh- Tiền Lê |  |  |  |  |  |  | Phân tích được ý nghĩa của việc Ngô Quyền xưng vương và xây dựng chính quyền mới |  |
| **Số câu** | 04 |  |  |  |  |  |  | 01 | **05** |
| **Điểm** | 1đ |  |  |  |  |  |  | 0,5đ | **1,5đ** |
| **TỔNG** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **CÂU** | **8** | | **1** | | **1** | | **1** | | **11 câu** |
| **ĐIỂM** | **2đ** | | **1,5 đ** | | **1đ** | | **0,5 đ** | | **5 điểm** |

**B. PHẦN ĐỊA LÍ:**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/**  **chủ đề** | **Nội dung/đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | | | | **Tổng**  **% điểm** |
| **Nhận biết (TNKQ)** | **Thông hiểu**  **(TL)** | **Vận dụng**  **(TL)** | **Vận dụng cao**  **(TL)** |
| 1 | **Châu Âu** **( 10% - đã kiểm tra giữa kì I)** | Vị trí địa lí, phạm vi châu Âu | 1TN |  |  |  | 2,5%  0,25đ |
| Đặc điểm tự nhiên | 1TN\* |  |  |  | ***2,5%***  *0,25đ* |
| Đặc điểm dân cư, xã hội | 1TN\* |  |  |  | ***2,5%***  *0,25đ* |
| **2** | **Châu Á** ( 12 tiết) | Vị trí địa lí, phạm vi châu Á | 2TN |  |  |  | 5%  0,5đ |
| Đặc điểm tự nhiên | 2TN\* | 1TL |  |  | *5%*  *0,5đ*  *15%*  *1,5đ* |
| Đặc điểm dân cư, xã hội |  |  | 1TL(a) |  | 10%  1,0đ |
| Bản đồ chính trị châu Á; các khu vực của châu Á | 2TN\* |  |  |  | *5%*  *0,5đ* |
| Các nền kinh tế lớn và kinh tế mới nổi ở châu Á |  |  |  | 1TL(b) | 5%  0,5đ |
| **3** | **Chủ đề chung**(3 tiết) | Đô thị: Lịch sử và hiện tại | 2TN |  |  |  | *5 %*  *0,5đ* |
| ***Tỉ lệ*** | | | **20%** | **15%** | **10%** | **5%** | **50%** |

|  |  |
| --- | --- |
| PHÒNG GD&ĐT ĐẠI LỘC  **TRƯỜNG TH& THCS ĐẠI TÂN** | **ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KỲ I NĂM HỌC 2022 -2023**  **MÔN LỊCH SỬ & ĐỊA LÝ - LỚP 7**  **Thời gian: 60 phút** (không kể giao đề) |

**A. PHÂN LỊCH SỬ:**

**I. TRẮC NGHIỆM: (2,0 điểm) Chọn câu trả lời đúng nhất.**

**Câu 1: Đất nước nào là quê hương của phong trào Văn hóa Phục hưng?**

A. Anh. B. I-Ta\_li-a. C. Đức. D. Mỹ.

**Câu 2: Công trình văn hóa tiêu biểu của vương quốc Lào là**

A. Thạt Luổng. B. Chùa Vàng. C. Ăng-co-vát. D. Đền Wat Ong Theu.

**Câu 3: Vương quốc Lan Xang phát triển thịnh vượng trong giai đoạn**

A.thế kỉ XII-XIII. B. thế kỉ XIII-XV.

C. thế kỉ XV-XVI. D. thế kỉ XV-XVII.

**Câu 4: Đền Ăng-co- Thom là thành tựu kiến trúc, điêu khắc của nước.**

A. Lào . B. Cam-pu-chia. C. Thái Lan. D. Mi-an-ma.

**Câu 5: Sau chiến thắng Bạch Đằng, Ngô Quyền xưng vương và đóng đô ở đâu?**

A. Cổ Loa B. Phú Xuân. C. Bạch Hạc. D. Đại La

**Câu 6: Người có công dẹp loạn 12 sứ quân**

A.Ngô Quyền. B. Lý Thường Kiệt.

C. Đinh Bộ Lĩnh. D. Đinh Công Trứ.

**Câu 7: Tên gọi nước ta thời Đinh**

A.Văn Lang. B. Đại Việt. C. Đại Cồ Việt. D.Đại Nam.

**Câu 8: Tôn giáo được truyền bá rộng rãi dưới triều Đinh-Tiền Lê.**

A.Phật giáo. B. Lão giáo. C. Nho giáo. D. Đạo giáo

**II. TỰ LUẬN:** (3,0 điểm)

**Câu 1. ( 1 điểm)** Hãy trình bày nội dung các cuộc phát kiến địa lí lớn ?

**Câu 2. ( 1,5 điểm)** Những thành tựu văn hoá tiêu biểu của Ấn Độ từ thế kỉ IV đến giữa thế kỉ XIX?

**Câu 3. ( 0,5 điểm)** Việc Ngô Quyền lên ngôi vua xây dựng chính quyền mới có ý nghĩa như thế nào?

**B. PHÂN ĐỊA LÍ:**

1. **TRẮC NGHIỆM (2,0 điểm)**

**Câu 1. Châu Âu ngăn cách với châu Á bởi dãy núi nào sau đây?**

A. U-ran. B. Xcan-đi-na-vi. C. An-pơ. D. Các-pát.

**Câu 2. Đô thị nào sau đây ở châu Âu có số dân từ 10 triệu người trở lên?**

A. Xanh Pê-téc-bua. B. Mát-xcơ-va. C. Luân Đôn. D. Bác-xê-lô-na.

**Câu 3. Châu lục nào dưới đây có diện tích lớn nhất thế giới?**

A. Phi. B. Mỹ. C. Á D. Âu.

**Câu 4. Châu Á *không* tiếp giáp với đại dương nào dưới đây?**

A. Thái Bình Dương. B. Bắc Băng Dương. C. Ấn Độ Dương. D. Đại Tây Dương.

**Câu 5. Khu vực nào dưới đây ở châu Á có dân cư phân bố rất thưa thớt?**

A. Tây Á. B. Nam Á. C. Đông Á. D. Đông Nam Á.

**Câu 6. Các quốc gia Việt Nam, Lào, Cam-pu-chia, … thuộc khu vực**

A. Bắc Á. B. Đông Á. C. Nam Á. D. Đông Nam Á.

**Câu 7. Thời gian hình thành các đô thị cổ đại phương Đông**

A. khoảng thiên niên kỉ IV TCN đến thiên niên kỉ III TCN

B. khoảng thiên niên kỉ III TCN đến thiên niên kỉ II TCN

C. khoảng thiên niên kỉ III TCN D.khoảng thiên niên kỉ IV TCN

**Câu 8. Tên các đô thị cổ đại phương Tây là**

A. Hy Lạp, Ấn Độ. B. La Mã, Trung Quốc. C. Hy Lạp, La Mã. D. Trung Quốc, Lưỡng Hà

**II. TỰ LUẬN (3 điểm)**

**Câu 1. (1,5đ)** Nêu đặc điểm địa hình của châu Á và ý nghĩa của nó đối với việc sử dụng, bảo vệ tự nhiên?

**Câu 2.**

**a. (1,0 điểm)** Cho bảng số liệu sau:

**SỐ DÂN, MẬT ĐỘ DÂN DÂN SỐ CỦA CHÂU Á VÀ THẾ GIỚI NĂM 2020**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Châu lục** | Số dân (triệu người) | Mật độ dân số (người/km2) |
| Châu Á | 4 641,1(\*) | 150(\*\*) |
| Thế giới | 7 794,8 | 60 |

Em hãy tính tỉ lệ dân số trong tổng số dân thế giới của châu Á và nhận xét số dân của châu Á năm 2020.

**b.** (**0,5 điểm)** Hãy nêu một vài hiểu biết của em về nền kinh tế của Trung Quốc.

------------- **Hết** -------------

|  |  |
| --- | --- |
| PHÒNG GD&ĐT ĐẠI LỘC  **TRƯỜNG TH&THCS ĐẠI TÂN** | **HƯỚNG DẪN CHẤM VÀ BIỂU ĐIỂM**  **ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KỲ I NĂM HỌC 2022 - 2023**  **MÔN LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÝ - LỚP 7** |

**A. PHÂN MÔN LỊCH SỬ**

**I. PHẦN TRẮC NGHIỆM (2 điểm)**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** |
| **B** | **A** | **D** | **B** | **A** | **C** | **C** | **A** |

**II. PHẦN TỰ LUẬN ( 3 điểm)**

|  |  |
| --- | --- |
| **Câu** | **Đáp án/điểm** |
| **Câu 1: (1 điểm)**  Hãy trình bày nội dung các cuộc phát kiến địa lí lớn ? | **Nội dung các cuộc phát kiến địa lí lớn:**  - Năm 1487, B. Đi-a-xơ đến điểm cực Nam Châu Phi- mũi Hảo Vọng.  - Năm 1492, C. Cô-lôm-bô tìm ra vùng đất mới- Châu Mỹ.  - Từ 1497-1498, Va-xcô Đơ Ga-ma cập bến Ca- li- cút phía tây nam Ấn Độ.  -Năm 1519- 1522, Ma-gien-lăng vòng quanh trái đất |
| **Câu 2. ( 1,5 điểm)**  Những thành tựu văn hoá tiêu biểu của Ấn Độ từ thế kỉ IV đến giữa thế kỉ XIX? | **2. Những thành tựu văn hoá tiêu biểu của Ấn Độ từ thế kỉ IV đến giữa thế kỉ XIX.**  - Tôn giáo : Đạo Bà La Môn phát triển thành Hin-đu giáo,  đạo Phật phân hóa thành hai phái .  - Chữ viết: Chữ Phạn hoàn chỉnh là nguồn gốc của chữ viết Hin-đi ngày nay.  - Văn học: hết sức phong phú, đa dạng nhiều thể loại.  - Kiến trúc điêu khắc: chịu ảnh hưởng sâu sắc của ba tôn giáo lớn: Phật giáo, Hin-đu giáo, Hồi giáo và ảnh hưởng đến các nước Đông Nam Á. |
| **Câu 3. ( 0,5 điểm)**  Việc Ngô Quyền lên ngôi vua xây dựng chính quyền mới có ý nghĩa như thế nào? | **Việc Ngô Quyền lên ngôi vua xây dựng chính quyền mới có ý nghĩa :**  Thể hiện ý thức về nền độc lập dân tộc, khẳng định quyền tự chủ đất nước của nhà Ngô. |

**B. PHÂN MÔN ĐỊA LÍ:**

**I. TRẮC NGHIỆM (2 điểm)**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 |
| **Đáp án** | C | D | A | D | B | C | A | C |

**II. TỰ LUẬN (3 điểm)**

**Câu 1: (1,5 đ)**

|  |  |
| --- | --- |
| *Nội dung* | *Điểm* |
| **\*Đặc điểm địa hình của châu Á**  + Rất đa dạng: Gồm núi, sơn nguyên cao, đồ sộ; cao nguyên và đồng bằng rộng lớn...Bề mặt địa hình bị chia cắt mạnh.  Địa hình chia thành các khu vực:  + Phía bắc là các đồng bằng và cao nguyên thấp.  + Ở trung tâm là các vùng núi  cao đồ sộ và hiểm trở nhất thế giới.  + Phía đông thấp dần về biển, gồm núi, cao nguyên và đồng bằng ven biển.  + Phía nam và tây nam gồm các dãy núi trẻ, các sơn nguyên và đồng bằng nằm xen kẽ...  **\*Ý nghĩa của địa hình đối với việc sử dụng và bảo vệ tự nhiên:**  + Thuận lợi: Cao nguyên và đồng bằng rộng lớn thuận lợi cho sản xuất và định cư  + Địa hình núi cao hiểm trở, dễ xói, sạt lở đất trở gây khó khăn cho giao thông, sản xuất và đời sống | 0.25đ  0,25đ  0,5 đ  0,25đ  0.25đ |

**Câu 2a. (1.0đ)**

|  |  |
| --- | --- |
| *Nội dung* | *Điểm* |
| - Tính số dân: (4641,1/7794,8) x 100%=59,5%  Số dân của châu Á chiếm 59,5% hơn một nửa số dân thế giới.  Châu Á có số dân đông nhất trong các châu lục trên thế giới. | 0.5đ  0,25đ  0.25đ |

**Câu 2b. (0,5đ)**

|  |  |
| --- | --- |
| *Nội dung* | *Điểm* |
| Nền kinh tế thị trường lớn thứ 2 trên thế giới.  GDP bình quân đầu người tăng lên nhanh chóng.  (HS nêu ý khác đúng vẫn cho điểm nhưng tối đa không quá 0,5 điểm) | 0.25đ  0.25đ |